TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ -ST
Ngày: 22 - 11 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lam.

2. Bà Nguyễn Thị Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Mai Chí C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D và anh Mai Chí C tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã S (Nay là thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C thường xuyên chơi bời không lo lắng cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng không còn sống chung nhà, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, không còn cách nào để hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Mai Chí C.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Mai Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 11/01/2016 và Mai Huyền C, sinh ngày 27/3/2021. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Mai Huyền C, giao con chung tên Mai Nguyễn Nhật Đ cho anh Mai Chí C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2023 bị đơn anh Mai Chí C trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Chí C thống nhất với phần trình bày của chị Nguyễn Thị D về thời gian tìm hiểu, kết hôn và thời gian chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn, chị D không lo lắng cho gia đình, không chăm con nhưng anh C vẫn có trách nhiệm với chị D và con cái, tuy nhiên hiện nay vợ chồng anh C, chị Mai chưa giải quyết được vấn đề về tài sản nên anh C chưa đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Mai Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 11/01/2016 và Mai Huyền C, sinh ngày 27/3/2021. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh C và chị D ly hôn, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Mai Chí C. Anh C là bị đơn cư trú tại Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh

Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D và anh Mai Chí C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã S (Nay là thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị D cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung về tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung nhà và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh C thống nhất quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng không lớn, hiện nay vợ chồng vẫn chưa giải quyết được vấn đề về tài sản nên không đồng ý ly hôn với chị D.

Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Giữa chị D và anh C không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, chị D kiên quyết xin ly hôn với anh C chứng tỏ tình cảm của chị D dành cho anh C đã hết. Anh C không đồng ý ly hôn với chị D không phải vì còn tình cảm mà vì giữa hai vợ chồng chưa thống nhất được vấn đề chia tài sản, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án không nhận được đơn phản tố hay ý kiến nào của anh C về việc yêu cầu giải quyết chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân vì vậy không có cơ sở để xem xét. Như vậy có thể thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị D và anh C không còn sống chung với nhau, nên chị D yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Mai Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 11/01/2016 và Mai Huyền C, sinh ngày 27/3/2021. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Mai Huyền C, giao con chung tên Mai Nguyễn Nhật Đ cho anh Mai Chí C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Mai Huyền C hiện nay còn nhỏ và đang sống với chị D, cháu Mai Nguyễn Nhật Đ hiện nay đang sống với anh C để tránh gây xáo trộn về tâm lý và đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần của người chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu Châu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con các trưởng thành hoặc đến

khi có quyết định khác thay thế là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh C không yêu cầu người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ý kiến của chị D và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Mai Chí C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Mai Chí C.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Mai Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 11/01/2016 cho anh Mai Chí C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế; giao con chung tên Mai Huyền C, sinh ngày 27/3/2021 cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Chị Nguyễn Thị D và anh Mai Chí C đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh C không yêu cầu và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Mai Chí C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002809 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã S (Nay là thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình (số 101/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng